

Số: /BC-UBND

Hoàng Trường, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2025

Thực hiện công tác báo cáo theo định kỳ tình hình cải cách hành chính trên địa bàn xã, UBND xã Hoàng Trường báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ cải cách hành chính 3 năm 2025 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Về kế hoạch cải cách hành chính.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 về Cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 02/01/2024 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 02/01/2024 thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 19/01/2024 về tự kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính năm 2024 và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ Kế hoạch đến từng Cán bộ, Công chức, từng bộ phận chuyên môn và toàn thể nhân dân, nhằm mục đích đưa công cuộc cải cách hành chính của cơ quan đạt được nhiều kết quả thiết thực.

2. Công tác kiểm tra cải cách hành chính.

UBND xã giao cho 1 đồng chí Phó chủ tịch UBND trực tiếp đôn đốc nhắc nhở chỉ đạo các công chức. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thường xuyên giao ban, họp bàn, đánh giá rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan. Gắn trách nhiệm của mỗi Cán bộ, Công chức trong thực hiện nhiệm vụ chung, đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng đối với Cán bộ, Công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn xã để kịp thời biểu dương những cá nhân đã có thành tích, điều chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính tại địa phương.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính.

UBND xã đã ban hành kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 02/01/2024 tuyên truyền nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024, triển khai thực hiện đồng bộ, lồng ghép trong các buổi Hội nghị từ xã đến thôn. Tuyên truyền Kế hoạch cải cách hành chính trên hệ thống đài truyền thanh xã, thôn để toàn dân nắm bắt được chủ trương của Đảng và Nhà nước, góp phần thuận lợi hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ chung.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Cải cách thể chế.

Xây dựng chương trình công tác năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã, thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã. Trong năm năm 2024, UBND xã đã ban hành 730 văn bản các loại gồm: 161 Quyết định của UBND xã, 162 Báo cáo của UBND xã, 87 Kế hoạch, 134 Tờ trình, 109 Công văn; 83 Thông báo. 4 Phương án. Qua kiểm tra, rà soát, đa số văn bản đều đảm bảo về thể thức, thẩm quyền ban hành, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và sát

với tình hình thực tế của địa phương, khắc phục những tồn tại, hạn chế, góp phần thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực ban hành văn bản.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Trong năm 2024 đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của địa phương.

Thực hiện tốt công tác theo dõi, quản lý, lưu trữ, kiểm soát văn bản đi, văn bản đến. Trong năm 2024, Văn phòng Ủy ban nhân dân xã theo dõi đăng ký công văn đi trên môi trường điện tử, công văn đến trên môi trường điện tử và chuyển văn bản đến từ môi trường giấy lưu vào hộp thư điện tử, đảm bảo khoa học, thuận lợi trong việc tra cứu và sử dụng khi cần thiết, tổng số văn bản đến là 2719 trong đó 2684 trên môi trường điện tử và 35 văn bản môi trường BCCI đã được số hóa, tổng số văn bản đi là 730 văn bản.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo, rà soát thủ tục hành chính, niêm yết công khai minh bạch quy trình, thời gian giải quyết thủ tục, thu phí, lệ phí theo quy định.

Trong năm 2024, tình hình và kết quả thực hiện cơ chế "1 cửa, 1 cửa liên thông" tại địa phương như sau: Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã là 196 thủ tục. Trong đó: số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa: 121 thủ tục. Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: 75 thủ tục.

Số hồ sơ đã tiếp nhận tại Bộ phận một cửa năm 2024 là: 1.211 hồ sơ và giải quyết tại bộ phận Một cửa đúng thời hạn là: 1197 hồ sơ = 99,4 %. Số hồ sơ quá hạn 8 hồ sơ = 0,6 %. Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết là 14 hồ sơ = 1,1 %.

Trong giải quyết hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện tư vấn cho các tổ chức, cá nhân khi tiếp nhận giao dịch hành chính. Tại bộ phận một cửa đã trang bị máy vi tính nối mạng, máy Skan, tủ, bàn ghế đã đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ phận một cửa.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước.

Nắm rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức biên chế và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026.

Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể trong thực hiện công việc chung của Ủy ban nhân dân xã.

Sắp xếp Cán bộ, Công chức đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hoá của đội ngũ Cán bộ, Công chức. Phối hợp với MTTQ và các ngành đoàn thể trong công tác xây dựng chính quyền.

Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, xây dựng mối quan hệ phối hợp trong thực thi công việc giữa các Cán bộ, Công chức trong Ủy ban nhân dân nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Các hồ sơ giao dịch tại bộ phận 1 cửa được trả đúng hẹn 99,4%, nâng cao tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ Cán bộ, công chức thuộc bộ phận 1 cửa.

4. Cải cách công vụ.

- *Về cán bộ, công chức cấp xã:* Tổng số, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã đến thời điểm hiện tại là: 22 người.

Trong đó:

* **Cán bộ: 11 người.**

+ Trình độ chuyên môn: Đại học: 11 người = 100%.
+ Trình độ lý luận chính trị: Đại học 01 người = 9%; Trung cấp: 10 người = 91%.

*** Công chức: 11 người.**

Trình độ chuyên môn: Đại học: 10 người = 91%; Trung cấp: 01 người = 9 %.

Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 10 người = 100 %.

5. Cải cách tài chính công.

UBND đã ban hành xã quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND Hoàng Trường về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND Hoàng Trường về ban hành quy chế quản lý tài sản công, đồng thời thực hiện quy chế quản lý tài sản công và chi tiêu nội bộ theo quy định của pháp luật, từng bước đổi mới cơ chế quản lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện công khai dân chủ quy chế chi tiêu nội bộ. Đầu tư cho xây dựng cơ bản của địa phương và an ninh quốc phòng.

6. Xây dựng phát triển chính quyền điện tử.

Tất cả Cán bộ, Công chức Ủy ban nhân dân xã đều sử dụng thành thạo máy vi tính truy cập Internet để phục vụ công tác chuyên môn, sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc, sử dụng phần mềm quản lý hộ tịch, các tài khoản dịch vụ công quốc gia, phần mềm kế toán - ngân sách xã, phần mềm chính sách xã hội...

UBND xã đang sử dụng tốt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, sử dụng hộp thư điện tử trong trao đổi công việc. Đã đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc như máy Skan, máy tính nối mạng Internet.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Những ưu điểm.

Năm 2024 UBND xã không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung hoàn thiện nhiều cơ chế, chính sách, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Kỷ cương, kỷ luật hành chính trong các cơ quan được tăng cường, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan.

Cải cách thủ tục hành chính triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả. Tăng cường nâng cao hiệu quả việc giải quyết TTHC theo cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”, từng bước nâng cao chất lượng Cải cách hành chính, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong quá trình giao dịch.

Nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nền hành chính nhà nước của địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện Cải cách hành chính.

Một số Cán bộ, Công chức sử dụng hệ thống quản lý hồ sơ công việc còn hạn chế trao đổi trên môi trường điện tử, chưa rà soát kịp thời các văn bản hết hiệu lực và văn bản mới để công khai.

Hồ sơ hộ tịch đã được số hóa trên phần mềm bộ tư pháp và trên nền dữ liệu dân cư nhưng chưa khai thác được nên việc tìm kiếm số liệu hộ tịch trong sổ giấy cho công dân mất nhiều thời gian có trường hợp tìm từ 3 đến 5 ngày với hết được 15 quyền sổ hộ tịch rất bất cập .

Còn có quyết định ban hành sai thẩm quyền như phần chủ thể là chủ tịch UBND khi ký lại thay mặt UBND.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2025.

Tiếp tục đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản, trao đổi công việc trên môi trường điện tử.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát các hoạt động liên quan đến công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm những trường hợp Cán bộ, Công chức gây khó khăn, phiền hà cho các doanh nghiệp, tổ chức và công dân.

Tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính, kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính, công khai kết quả giải quyết TTHC, nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo Cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt, chặt chẽ, xuyên suốt và kịp thời. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được thực hiện đồng bộ, từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ nhân dân.

Tập huấn hướng dẫn cách thức soạn thảo văn bản, thẩm quyền ban hành văn bản cho cán bộ công chức.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

Đề nghị đưa vào sử dụng hệ thống dữ liệu dân cư liên thông dữ liệu khai sinh, khai tử, kết hôn cho phép cán bộ, công chức được khai thác dữ liệu khai sinh, khai tử trên nền dữ liệu dân cư để thực hiện công vụ.

Trên đây là báo cáo công tác Cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ Cải cách hành chính năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Trường báo cáo UBND huyện Hoàng Hóa tổng hợp.

Nơi nhận :

- UBND huyện (B/c)
- Đảng uỷ- HĐND xã (b/c);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Cảnh

Phụ lục 01b

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI UBND XÃ, THỊ TRẤN**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Kế hoạch CCHC		1	
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	8	
1.2	Kiểm tra CCHC		1	
1.2.1	Số bộ phận chuyên môn cấp xã đã kiểm tra	Bộ phận chuyên môn		
1.1.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	41	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	36	
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	1	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm	Văn bản		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	quyền			
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC		196	
3.1.1	Số TTHC/ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã công bố, công bố mới	Thủ tục		
3.1.2	Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục	196	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		196	
3.2.1	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã	Thủ tục	196	
3.2.2	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	75	
3.2.3	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	75	
3.2.4	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ (theo tiêu chuẩn ISO)	%	100	
3.2.5	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.2.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	196	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ	1 211	
Trong đó	Tiếp nhận trực tiếp	Số lượng hồ sơ	57	
	Tiếp nhận qua BCCI	Số lượng hồ sơ	14	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ	679	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ	461	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	1 197	
Trong đó	<i>Trả trực tiếp</i>		57	
	<i>Trả qua BCCI</i>		14	
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 3</i>		671	
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 4</i>		455	
3.3.3	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ		
3.3.5	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ		
3.4	Công khai kết quả giải quyết		1 197	
3.4.1	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết	1 197	
3.4.2	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	1 197	
3.4.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục	1 197	
3.5	Số thư/ trường hợp đã công khai xin lỗi		8	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số liệu về biên chế cán bộ, công chức		22	
4.1.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22	
4.1.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22	
4.1.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.1.4	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.4	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1	Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	Có ban hành KH = 1 Không ban	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		hành KH = 0		
5.4.2	Số lượng, tỷ lệ đơn vị được kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	%	0	
5.4.5	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.6	Số lượng công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Đơn vị đã thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	1	
6.2	Đơn vị đã thực hiện Quy chế quản lý tài sản công	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	1	
7	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
7.1	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản		
7.2.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ tỉnh, huyện đến cấp xã	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.2.3	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã	Văn bản	730	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử			
7.4.1	Kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp huyện, tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.5	Dịch vụ công trực tuyến			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.5.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.6.	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	